

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/ DS-ST
Ngày: 18/9/2019
V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhất Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Hoa**

2. Ông **Nguyễn Lơn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Kim Kúc** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Bích Thảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/ 2019, tại trụ sở Tòa án nhân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2015/TLST-DS ngày 26/11/2015 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-DS ngày 11/4/2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2018/QĐST-DS ngày 15/5/2018, Quyết định tạm đình chỉ số 13/2018/QĐST-DS ngày 31/5/2018; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 20/2018/QĐST- ngày 03/8/2018; Thông báo mở phiên tòa xét xử số 566/2019/TB ngày 28/8/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Tấn S**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 8, thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông **Bùi Tấn N**, sinh năm 1970

Trú tại: Tổ 8, thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm 1973; Có mặt

2. Bà Bùi Thị Thu L – Sinh năm 1992

3. Bà Bùi Thị Thu L1 – Sinh năm 1993

4. Ông Bùi Tấn N – Sinh năm 1997

Cùng địa chỉ: Tổ 8, thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Bà L, bà L1, ông N ủy quyền cho ông Bùi Tấn N, bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền số 524, quyền số 01-SCT/CK, CD lập ngày 20 tháng 7 năm 2016). Ông N, bà H: có mặt.

6. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Ninh Hòa, Phòng giao dịch DM_ Do ông Trần Anh G: Giám đốc đại diện. Vắng mặt

Địa chỉ: TK1, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người làm chứng: Bà Ngô Thị Ngọc T - 1980_ Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố H2, phường N, thị xã N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2015, các bản tự khai cũng như biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Tấn S trình bày:

Năm 2004, cha ông là ông Bùi V có cho ông một thửa đất để cất nhà ở, tháng 3/2004 ông đổ đất để xây móng làm nhà, thửa đất có vị trí Đông giáp đất ông Bùi Tấn N, Tây giáp đất ông Bùi H, Bắc giáp đất cha mẹ ông và Nam giáp đất bà Hồ Thị T. Khi ông đổ đất làm nhà thì anh trai ông là ông Bùi Tấn N có qua phụ đổ đất, làm móng để xây nhà và không có tranh chấp gì. Năm 2010, Ban nhân dân thôn vận động hiến đất để mở đường liên thôn, dựa trên cơ sở quyền sử dụng đất của ông, chiều dài ông không được rõ. Năm 2014, ông được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất nói trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CH01557 ngày 03/12/2014 là thửa đất số 625, tờ bản đồ số 26 bản đồ địa chính xã Ninh Sim, diện tích 2113 mét vuông tọa lạc tại thôn Đ, xã N, thị xã N, Khánh Hòa. Liền kề với thửa đất của ông là đất ông Bùi Tấn N, thuộc thửa đất số 45. Năm 2015, cha ông qua đời, ông Bùi Tấn N tự ý mời ban đo đạc thuộc Công ty địa chính Ninh Hòa lên đo cắm mốc thửa đất, ông N đã rào đất và rào luôn căn nhà của ông, nay ông không có đường ra vào nhà và một số cây trái, phá luôn chuồng heo của ông. Ông N lấn chiếm qua đất của ông khoảng 200 mét vuông và hiện tại rào bằng lưới B40, trụ bê tông làm cản trở đến việc tăng gia sản xuất, sinh hoạt, đi lại của gia đình ông. Sự việc đã được ủy ban nhân dân xã N hòa giải vào ngày 07/01/2015 nhưng không thành. Nay tôi khởi kiện yêu cầu ông Bùi Tấn N phải trả lại cho tôi 200 mét vuông diện tích đất đã lấn chiếm nói trên. Đối với căn nhà cấp 4 và 03 cây dừa theo kết quả thẩm định nằm trên đất ông N nay tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 29/12/2015, biên bản lấy lời khai ngày 14/11/2016, đơn trình bày ngày 24/03/2017 tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Tấn N trình bày:

Năm 1991, ông lập gia đình, Sau khi lập gia đình thì cha ông là ông Bùi V và mẹ ông là Trần Thị S có cho vợ chồng ông một thửa đất và ông đã có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất vào ngày 26/6/1997 là thửa đất số 45, tờ bản đồ số 26, diện tích 1616 mét vuông. Đến ngày 13/12/1997 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, vợ chồng ông sử dụng phần đất này từ đó đến nay. Năm 2003 ông Bùi Tấn S tự ý làm nhà trên đất của vợ chồng ông mà không có đơn xin phép UBND xã N và không thông qua địa chính xã đo đạc, kiểm tra ranh giới lô đất nhưng khi đó vợ chồng ông biết mà không phản đối việc ông S xây

nhà vì vợ chồng ông cứ nghĩ ông S xây nhà trên phần đất của ông S do khi đó vợ chồng ông chưa làm hàng rào nên chưa biết ranh giới phần đất của mình. Năm 2010 ông S tự ý cắt bán hai cây xoài của gia đình ông thì ông mới phát hiện là đất của vợ chồng ông bị ông S cố tình lấn chiếm, chiếm đoạt bất hợp pháp và vợ chồng ông có yêu cầu ông S phải tháo dỡ nhà và cây ăn quả trả lại đất đúng như hiện trạng nhưng ông S không đồng ý. Năm 2015 ông S nói với ông là kêu cán bộ địa chính tới đo đất và ông đã yêu cầu ủy ban nhân dân xã N và địa chính xã N thì được đội đo đạc ở thị xã N tới đo đạc và cắm mốc vào ngày 19.09.2015 có mặt ông S chứng kiến. Diện tích đất của gia đình tôi không đúng như trong sổ đỏ lý do là ông Bùi Tấn S đã tự ý lấn chiếm đất cắt nhà và trồng cây ăn quả ước tính trên dưới 200 mét vuông. Lô đất bị lấn chiếm có vị trí như sau: Đông giáp đường đi liên thôn, Tây giáp đất Bùi Tấn S, Nam giáp đất Hồ Thị T và bắc giáp đất ông Bùi V. Năm 1999- 2000 chính quyền địa phương phát động bà con dọn dẹp phát quang đường cho sạch sẽ vì từ hàng rào trở ra đường đi có cây cối và rác um tùm nên phát dọn chứ không xê dịch hàng rào. Ông S khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 200 mét vuông, ông đồng ý theo kết quả xem xét thẩm định của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Khánh Hòa và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: bà thống nhất với ý kiến của chồng bà là ông Bùi Tấn N và không bổ sung ý kiến gì thêm.

Ông Bùi Tấn N, bà Nguyễn Thị H là đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Tấn N, bà Bùi Thị Thu L và bà Bùi Thị Thu L1 trình bày: Chúng tôi thống nhất với ý kiến của bị đơn và không bổ sung ý kiến gì thêm.

Đại diện của phòng giao dịch DM-Chi nhánh Ninh Hòa thuộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, ông Trần Anh G - Giám đốc trình bày: Ông Bùi Tấn N, bà Nguyễn Thị H có ký kết hợp đồng tín dụng số 4704LAV20101553 ngày 15/5/2019 và có đăng ký thế chấp đối với thửa đất số 45 tờ bản đồ số 26 xã N. Hiện nay, thửa đất này đang có tranh chấp với Bùi Tấn S. Tuy nhiên, phía ngân hàng thống nhất để ông N tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký với ngân hàng và không có tranh chấp gì. Yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng bà Ngô Thị Ngọc T trình bày:

Bà T và ông S kết hôn năm 2002. Sau khi kết hôn thì ông S có xây nhà cấp 4 nằm trên phần đất mà ông S khởi kiện tranh chấp với vợ chồng ông N. Tài sản này là của ông S. Bà và ông S đã ly hôn năm 2009 đến nay không còn liên quan gì đến ông S. Yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 48, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án đã

có vi phạm về việc ban hành TBTL và vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Cụ thể

+ Tòa án nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 14/10/2015 nhưng đến 26/11/2015 mới thụ lý vụ án là vi phạm khoản 1 Điều 171 BLTTDS 2004 sửa đổi bổ sung năm 2011 (ngay sau khi nhận đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, nếu xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thì Tòa án phải thông báo ngay cho người khởi kiện để họ đến Tòa án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí).

+ Tòa án thông báo thụ lý ngày 26/11/2015 nhưng đến ngày 23/9/2016 Tòa ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, hơn 09 tháng là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử tại Điều 179 BLTTDS 2004 sửa đổi bổ sung 2011. Sau đó Tòa án ban hành QĐ tiếp tục giải quyết vụ án ngày 31/10/2016, đến 31/2/2017 tòa án ra quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử 02 tháng kể từ ngày 01/3/2017 nhưng đến ngày 18/8/2017 mới có QĐ đưa vụ án ra xét xử là hơn 05 tháng, tiếp tục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 240, 241, 242, 243, 246, 247, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 259, 260 và Điều 263 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 166 Luật đất đai, Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn và ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn, bị đơn tự nguyện tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại cho nguyên đơn 164,2m² đất lấn chiếm được thể hiện trong Bản đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Khánh Hòa tiến hành đo vẽ.

Ngoài ra, trong Bản đồ hiện trạng khu đất còn thể hiện phần đất phía Bắc do bị đơn tự rào nhưng chưa đúng diện tích được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng là 37,3m²; tuy nhiên vì bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị tách thành vụ án riêng khi có yêu cầu. Đối với ngôi nhà và số cây ăn quả, tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về phần án phí và các chi phí tố tụng khác: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đưa bà Trần Thị S vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng nay bà Trần Thị S đã chết. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã đưa bà Ngô Thị Ngọc T tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Ninh Hòa, Phòng giao dịch DM với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thu L, Bùi Thị Thu L1, Bùi Tấn N vắng mặt nhưng bà L, bà L1 và ông N đã có văn bản ủy quyền cho ông Bùi Tấn N, bà Nguyễn Thị H theo Văn bản ủy quyền số 524, quyền số 01-SCT/CK,CD lập ngày 20 tháng 7 năm 2016. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Ninh Hòa, Phòng giao dịch DM vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người làm chứng Bà Ngô Thị Ngọc T vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử theo qui định.

Tại phiên tòa, các đương sự không ai có ý kiến gì về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử - xét xử vụ án theo trình tự tố tụng chung.

Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Tấn S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ông Bùi Tấn N về việc lấn chiếm đất theo đơn khởi kiện là 200 m²; phía bị đơn chỉ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo kết quả xem xét thẩm định của bản đồ hiện trạng khu đất số 05/2019/HT.BĐ thôn Đ, tờ bản đồ số 26, với diện tích 164,2 m².

Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp đất đai*” được quy định tại khoản 24 điều 3 Luật đất đai 2013, khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn khởi kiện vào tháng 10 năm 2015 đã được UBND xã N hòa giải theo Điều 202 Luật đất đai 2013. Nguyên đơn và bị đơn đều có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013, do đó, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 203 Luật đất đai, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với vụ án này không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo Điều 160 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo lời trình bày của nguyên đơn, nguồn gốc thửa đất nguyên đơn đã và đang sử dụng là do hộ gia đình ông Bùi V, bà Trần Thị S tặng cho. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện: thửa đất số 594 tờ bản đồ 26 diện tích 1453 m² ông Bùi Tấn S đã được tặng cho bằng hợp đồng tặng cho được UBND xã N chứng thực và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận vào ngày 06/7/2012. Đến ngày 08/9/2014, ông S được mẹ là bà Trần Thị S tặng cho thửa đất số 624 tờ bản đồ 26 diện tích 660 m² là tài sản riêng của bà Trần Thị S bằng hợp đồng tặng cho và được UBND xã N chứng thực. Đến tháng 10/2014, ông S có đơn xin hợp hai

thửa đất số 594 tờ bản đồ 26 diện tích 1453 m² và thửa đất số 624 tờ bản đồ 26 diện tích 660 m². Đến ngày 03/12/2014 ông S được UBND thị xã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 809465 vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01557 đối với thửa số 625 diện tích 2113 m² tờ bản đồ 26 xã N. (đây là thửa đất được hợp thửa từ hai thửa 594 và 624 tờ bản đồ 26 xã N).

Tháng 10 năm 2015, giữa nguyên đơn và bị đơn xảy ra tranh chấp bắt đầu từ việc bị đơn rào ranh giới. Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã lấn chiếm của nguyên đơn 200 m². Qua xác minh tại UBND xã N thị khoảng năm 1999 -2000 địa phương có vận động người dân mở đường với hình thức nắn tuyến đường cho thẳng nên không điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân vì không ảnh hưởng nhiều. Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất phát hành ngày 15/3/2019, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 10/5/2019 và tại phiên tòa hôm nay, giữa nguyên đơn, bị đơn và người liên quan Nguyễn Thị H, đại diện theo ủy quyền của Bùi Thị Thu L1, Bùi Thị Thu L, Bùi Tấn N là ông Bùi Tấn N và Nguyễn Thị H đều thống nhất.

Kết quả xem xét thẩm định thể hiện phía Tây thửa đất số 45 tờ bản đồ 26 xã N hộ gia đình ông Bùi Tấn N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, ông Nghĩa có rào lưới B40 và có 01 phần đất diện tích là 164,2 m² thuộc về thửa đất số 625 tờ bản đồ 26 xã Ninh Sim mà ông Bùi Tấn S đã được cấp quyền sử dụng. Bị đơn và người liên quan Nguyễn Thị H, đại diện theo ủy quyền của Bùi Thị Thu L1, Bùi Thị Thu L, Bùi Tấn N là ông Bùi Tấn N và Nguyễn Thị H đều thống nhất tháo dỡ hàng rào lưới B40 để trả lại cho nguyên đơn. Sự tự nguyện trên phù hợp với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. (có bản đồ hiện trạng khu đất số 05/2019/HT.BĐ thôn Đ, tờ bản đồ số 26 kèm theo).

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định không tranh chấp đối với căn nhà cấp 4 và số cây quả đã được định giá tại biên bản định giá ngày 21/6/2016 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, trong Bản đồ hiện trạng khu đất còn thể hiện phần đất phía Bắc do bị đơn tự rào chưa đúng với diện tích và hình thể đã được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 37,3m²; tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn và người liên quan Nguyễn Thị H, đại diện theo ủy quyền của Bùi Thị Thu L1, Bùi Thị Thu L, Bùi Tấn N là ông Bùi Tấn N và Nguyễn Thị H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam - Chi nhánh Ninh Hòa - phòng giao dịch D không có ý kiến về tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Tấn S và hộ ông Bùi Tấn N đối với thửa đất số 45 tờ bản đồ 26 đang thể chấp tại ngân hàng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chi phí xem xét thẩm định và tại chỗ và định giá tổng cộng 11.158.000đ (Mười một triệu một trăm năm mươi tám ngàn). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên mỗi bên phải chịu 1/2 là 5.579.000đ (Năm triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn đồng). Nhưng do khoản tiền trên ông

S đã nộp đủ nên bị đơn có trách nhiệm thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền là 5.579.000đ (Năm triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn đồng).

Về án phí DS-ST: Ông Bùi Tấn N phải nộp 300.000đ.

Hoàn lại 750.000đ tiền tạm ứng án phí ông Bùi Tấn S đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/0001877 ngày 25/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

Đối với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án đồng quan điểm với Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 85,147,156,157,158,165,166,228, 229 khoản 9 Điều 26, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 7,15,16, 24 Điều 3; khoản 1 Điều 100; Điều 166, Điều 202; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 176 Bộ luật dân sự 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tấn S là nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H, đại diện theo ủy quyền của Bùi Thị Thu L1, Bùi Thị Thu L, Bùi Tấn N là ông Bùi Tấn N và Nguyễn Thị H phải trả lại cho nguyên đơn 164,2 m² đất (có bản đồ hiện trạng khu đất số 05/2019/HT.BĐ thôn Đ, tờ bản đồ số 26 kèm theo).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H, đại diện theo ủy quyền của Bùi Thị Thu L1, Bùi Thị Thu L, Bùi Tấn N là ông Bùi Tấn N và Nguyễn Thị H về việc tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại 164,2 m² đất cho ông Bùi Tấn S.(có bản đồ hiện trạng khu đất số 05/2019/HT.BĐ thôn Đ, tờ bản đồ số 26 kèm theo).

2. Đối với chi phí xem xét thẩm định và tại chỗ và định giá tổng cộng 11.158.000đ (Mười một triệu một trăm năm mươi tám ngàn). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên mỗi bên phải chịu 1/2 là 5.579.000đ (Năm triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn đồng). Khoản tiền trên ông Bùi Tấn S đã nộp tiền nên ông Bùi Tấn N người liên quan Nguyễn Thị H, Bùi Thị Thu L1, Bùi Thị Thu L, Bùi Tấn N có nghĩa vụ thanh toán 5.579.000đ (Năm triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn đồng) cho ông Bùi Tấn S.

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí DS-ST:

Ông Bùi Tấn N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

Hoàn lại 750.000đ tiền tạm ứng án phí ông Bùi Tấn S đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/0001877 ngày 25/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND thị xã Ninh Hòa;
 - Chi cục THA thị xã Ninh Hòa;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ;
 - Lưu vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Nhất Anh